

Số: 793/QĐ-CDKTKT-CTHSSV

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2018 - 2019
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015;

Căn cứ quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ hồ sơ và đơn xin miễn, giảm học phí của sinh viên;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2018 - 2019 cho 74 SV hệ chính quy gồm: K12, K13; K14 Cao đẳng; K12 cao đẳng nghề (có danh sách kèm theo).

Trong đó: - Miễn học phí 100%: 61 SV

- Giảm học phí 70%: 13 SV

Điều 2. Các Ông (bà) Trưởng phòng CTHSSV, Phòng KH-TC, Khoa Điện, Khoa Cơ khí, Khoa KTNL, Khoa KT&QTKD, Khoa Cơ bản và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 2;
- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Phòng KH-TC, các khoa;
- Website;
- Lưu: VT, P. CTHSSV.



TS. Ngô Xuân Hoàng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2018 - 2019

(Kèm theo Quyết định số: 793/QĐ/CDKTKT-CTHSSV ngày 23 tháng 10 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật)

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Năm nghèo	Mức HP	Tỷ lệ miễn giảm	Thời gian được	Thành tiền	Ghi chú
1	DTU161C5102010007	Lương Khánh Long	K12CĐN-Điện	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
2	DTU161C5103010014	Đàm Văn Anh	K12CĐ-Điện	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
3	DTU161C5103010009	Nguyễn Ngọc Quyên	K12CĐ-Điện	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
4	DTU161C5103010001	Lưu Văn Cường	K12CĐ-Điện	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
5	CDT12021765103030006	Ma Đình Quyền	K13CĐ-Điện tử	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
6	CDT12021765103030004	Ma Duy Sơn	K13CĐ-Điện tử	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
7	CDT12021765103030066	Trần Xuân Bách	K13CĐ-Điện tử	CTB		770,000	100%	5	3850000	
8	CDT12021765103030058	Bàn Đức Tùng	K13CĐ-Điện tử	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
9	CDT12021765103030071	Lường Văn Tuyển	K13CĐ-Điện tử	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
10	CDT12021765103030047	Lý Đoàn Khuê	K13CĐ-Điện tử	HNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
11	CDT12021765103030013	Lý Văn Huy	K13CĐ-Điện tử	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
12	CDT12021765103030021	Nông Văn Hùng	K13CĐ-Điện tử	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
13	CDT12021765103030070	Triệu Văn Hùng	K13CĐ-Điện tử	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
14	CDT12021765103030038	Riêu Ngọc Hùng	K13CĐ-Điện tử	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
15	CDT12021765103030034	Đặng Văn Trình	K13CĐ-Điện tử	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
16	CDT12021765202270005	Nguyễn Viết Hùng	K13CĐ-ĐiệnCN	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
17	CDT12021765202270019	Chu Khử Chóng	K13CĐ-ĐiệnCN	HNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
18	CDT12021765202270016	Lý Lê Cà	K13CĐ-ĐiệnCN	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
19	CDT12021865202270003	Ma Duy Đạt	K14CĐ-ĐCN	CNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
20	CDT12021865202270006	Triệu Văn Hải	K14CĐ-ĐCN	CNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
21	CDT12021865202270015	Nguyễn Hữu Phúc	K14CĐ-ĐCN	CNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
22	CDT12021865202270022	Hoàng Thu Thúy	K14CĐ-ĐCN	CNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
23	CDT12021865103030020	Nguyễn Văn Lượng	K14CĐ-Điện	HNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
24	CDT12021865103030017	Nguyễn Hoàng Phương	K14CĐ-Điện	CNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
25	DTU16115102010003	Bàng Văn Hoàng	K12CĐ-Máy	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
26	DTU16115102010015	Vi Văn Luyện	K12CĐ-Máy	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
27	DTU16115102010021	Hoàng Văn Lý	K12CĐ-Máy	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
28	CDT12021765102010019	Lục Văn Khai	K13CĐ-Máy	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
29	CDT12021765102010018	Đặng Nguyên Sen	K13CĐ-Máy	HNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
30	CDT12021765102010013	Lèng Song Hoàng	K13CĐ-Máy	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
31	CDT12021765102010004	Lý Gió Giá	K13CĐ-Máy	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
32	CDT12021765102010014	Hoàng Văn Hải	K13CĐ-Máy	HNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
33	CDT12021765102160017	Lý Văn Tuyển	K13CĐ-Ô tô	HNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	

34	CDT12021765102160007	Đào Văn Nó	K13CĐ-Ô tô	HNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
35	CDT12021765102160010	Lý Văn Viên	K13CĐ-Ô tô	HNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
36	CDT12021865102160005	Trần Văn Điệp	K14CĐ-Ô tô	HNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
37	CDT12021865102160003	Bàn Phúc Hường	K14CĐ-Ô tô	HNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
38	CDT12021865102160010	Bàn Hữu Kim	K14CĐ-Ô tô	HNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
39	CDT12021865102160002	Chu Văn Tuyền	K14CĐ-Ô tô	HNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
40	CDT12021865102160006	Triệu Phúc Vàng	K14CĐ-Ô tô	CNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
41	DTU161C6402010007	Trần Thị Ngọc Bích	K12CĐ-Thú Y	HNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
42	DTU161C6402010006	Hoàng Văn Thuận	K12CĐ-Thú Y	HNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
43	DTU161C6402010032	Vương Thị Tiên	K12CĐ-Thú Y	HNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
44	DTU161C6402010013	Triệu Mùi Ghեն	K12CĐ-Thú Y	HNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
45	DTU161C6402010019	Nguyễn Thị Hà	K12CĐ-Thú Y	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
46	DTU161C6402010009	Đàm Văn Quang	K12CĐ-Thú Y	HNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
47	DTU161C6402010018	Nông Thị Mường	K12CĐ-Thú Y	HNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
48	DTU161C6402010028	Nông Thị Phương Thảo	K12CĐ-Thú Y	HNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
49	DTU161C6402010027	Nông Đức Huỳnh	K12CĐ-Thú Y	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
50	DTU151C6402010012	Hoàng Đức Hải	K12CĐ-Thú Y	CNGHEODT	2018	770,000	100%	4	3080000	
51	CDT1202176640203HV014	Hồ Thị Phương Hoa	K13CĐ-TY/HV	CTB		650,000	100%	5	3250000	
52	CDT12021766402030001	Quách Thị Hằng	K13CĐ-Thú Y	CNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
53	CDT12021766402030004	Bế Thị Thúy	K13CĐ-Thú Y	HNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
54	CDT12021766402030020	Lý Quốc Phòng	K13CĐ-TY	CNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
55	CDT12021766402030005	Trần Văn Hoàng	K13CĐ-Thú Y	CNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
56	DTU161C2202100008	Đặng Thị Duyên	K12CĐ-Tiếng hàn	HNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
57	CDT12021862202110015	Hoàng Thị Bình	K14CĐ-Tiếng Hàn	CNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
58	CDT12021862202110002	Lưu Thị Huệ	K14CĐ-Tiếng Hàn	CNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
59	CDT12021862202110007	Bàn Thị Khe	K14CĐ-Tiếng Hàn	HNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
60	CDT12021862202110009	Hoàng Thị Phần	K14CĐ-Tiếng Hàn	CNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	
61	CDT12021862202110005	Trạc Thị Thảo	K14CĐ-Tiếng Hàn	CNGHEODT	2018	650,000	100%	4	2600000	

Danh sách ấn định: 61 SV

178,740,000

(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

NGƯỜI LẬP



ThS. Trần Minh Trường



Nguyễn Lệ Thanh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC GIẢM 70% HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2018 - 2019

(Kèm theo Quyết định số: 799/QĐ/CDKTKT-CTHSSV ngày 23 tháng 10 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật)

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức HP	Tỷ lệ miễn giảm	Thời gian được hưởng	Thành tiền	Ghi chú
1	DTU161C6402010022	Hoàng Minh Hoàn	K12CĐ-Thủ Y	DT-ĐBKK	770.000	70%	4	2.156.000	
2	DTU161C5103010034	Ma Khánh Quốc	K12CĐ-Điện	DT-ĐBKK	770.000	70%	4	2.156.000	
3	DTU161C5103010016	Nguyễn Hữu Sơn	K12CĐ-Điện	DT-ĐBKK	770.000	70%	4	2.156.000	
4	DTU161C5103010046	Hoàng Văn Tường	K12CĐ-Điện	DT-ĐBKK	770.000	70%	4	2.156.000	
5	DTU161C5103010002	Lâm Giáp Mùi	K12CĐ-Điện	DT-ĐBKK	770.000	70%	4	2.156.000	
6	CDT12021765103030051	Sầm Văn Thư	K13CĐ-Điện tử	DT-ĐBKK	770.000	70%	4	2.156.000	
7	CDT12021765103030008	Ôn Văn Ngọc	K13CĐ-Điện tử	DT-ĐBKK	770.000	70%	4	2.156.000	
8	CDT12021765103030035	Đặng Hoàng Doanh	K13CĐ-Điện tử	DT-ĐBKK	770.000	70%	4	2.156.000	
9	CDT12021765103030049	Lê Hoàng Sơn	K13CĐ-ĐiệnCN	DT-ĐBKK	770.000	70%	4	2.156.000	
10	DTU161C2202100010	Nguyễn Thị Phương	K12CĐ-Tiếng hàn	DT-ĐBKK	650.000	70%	4	1.820.000	
11	CDT12021862202110010	Nông Thị Anh	K14CĐ-Tiếng Hàn	DT-ĐBKK	650.000	70%	4	1.820.000	
12	CDT12021862202110001	Lê Thị Hạnh	K14CĐ-Tiếng Hàn	DT-ĐBKK	650.000	70%	4	1.820.000	
13	CDT12021862202110003	Toàn Thị Mỹ Lệ	K14CĐ-Tiếng Hàn	DT-ĐBKK	650.000	70%	4	1.820.000	

Ấn định danh sách: 13 SV

26,684,000

(Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn đồng chẵn)

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



ThS. Trần Minh Trường

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Lệ Thanh

